UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚ ĐÔ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
số :122 /BC-UBND	*Phú Đô, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

BÁO CÁO
Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý I năm 2022

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 huyện Phú Lương;

Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2021của Hội đồng nhân dân xã Phú Đô về việc phân bổ dự toán chi ngân sách xã Phú Đô năm 2022;

Ủy ban nhân dân xã Phú Đô báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý I năm 2022, cụ thể như sau:

I/. Thu ngân sách:

*** Tổng thu ngân sách xã quý I năm 2022 : 2.224.974 nghìn đồng, đạt 35,62 % so với dự toán, trong đó:**

1/. Các khoản thu xã hưởng 100% : 173.017 nghìn đồng , đạt 230% so với dự toán, cụ thể:

- Thu từ phí lệ phí : Thực hiện 11.517 nghìn đồng, đạt 25,5% so với dự toán năm 2022;

- Thu phạt : Thực hiện 3.500 nghìn đồng;

- Đóng góp của nhân dân theo quy định 158.000 nghìn đồng.

2/. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ: 29.464 nghìn đồng , đạt 24,76% so với dự toán, cụ thể:

- Lệ phí trước bạ nhà đất 2.021 nghìn đồng , đạt 20,2 % so với dự toán năm 2022;

- Thuế tài nguyên: 2.050 nghìn đồng;

- Thuế GTGT 3.232 nghìn đồng, đạt 5,88% so với dự toán năm 2022;

- Thuế thu nhập cá nhân 11.310 nghìn đồng, đạt 20,9% so với dự toán năm 2022;

3/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 2.022.492 nghìn đồng, đạt 33,4% so với dự toán năm 2022, cụ thể:

- Thu bổ sung cân đối : 1.800.000 nghìn đồng, đạt 19,8 % so với dự toán năm 2022;

- Thu bổ sung có mục tiêu: 222.492 nghìn đồng.

II/. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách quý I năm 2022: 1.250.966 nghìn đồng, đạt 20% so với dự toán năm 2022, trong đó:

1/. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 120.492 nghìn đồng, đạt 100% kế hoạch vốn;

2/. Chi thường xuyên: thực hiện 1.071.174 nghìn đồng , đạt 18% so với dự toán năm 2022, trong đó:

- Chi dân quân tự vệ : Thực hiện 84.718 nghìn đồng , đạt 13,5% so với dự toán năm 2022;

- Chi an ninh trật tự: Thực hiện 71.486 nghìn đồng, đạt 12% so với dự toán năm 2022;

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thực hiện 968.591 nghìn đồng, đạt 20,2 % so với dự toán năm 2022;

- Chi cho công tác xã hội: Thực hiện 5.679 nghìn đồng , đạt 5% so với dự toán năm 2022.

- Chi dự phòng: 59.300 nghìn đồng, đạt 48% so với dự toán năm 2022;

III/. Đánh giá chung:

Nhìn chung, trong quý I, bộ phận kế toán đã chủ động tham mưu trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội,

phục vụ hoạt động các ngành, các bộ phận, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý I năm 2022 *(Chi tiết theo biểu số 113,114,115/CKTC-NSNN kèm theo.*

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- Lưu: VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Phùng Thanh Hà

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Phú Lương
Xã Phú Đô

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2022

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2022	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**6.247.000**	**2.224.974**	**35,62**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	75.000	173.018	230,69
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	119.000	29.464	24,76
3	Thu bổ sung	6.053.000	2.022.492	33,41
	- Thu bổ sung cân đối	6.053.000	1.800.000	29,74
	- Thu bổ sung có mục tiêu		222.492	
4	Thu chuyển nguồn			
II	**TỔNG SỐ CHI**	**6.247.000**	**1.250.966**	**20,03**
1	Chi đầu tư phát triển		120.492	
2	Chi thường xuyên	6.046.000	1.071.174	17,72
3	Dự phòng	123.000	59.300	48,21
4	Tiết kiệm chi	78.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Phú Lương
Xã Phú Đô

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2022

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**6.208.000**	**6.247.000**	**2.213.014**	**2.224.974**	**35,65**	**35,6**
I	**Các khoản thu 100%**	**75.000**	**75.000**	**173.018**	**173.018**	**230,7**	**230,7**
	Phí, lệ phí	45.000	45.000	11.518	11.518	25,60	25,6
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			3.500	3.500		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			158.000	158.000		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	30.000	30.000			0,00	0,0
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**80.000**	**119.000**	**17.504**	**29.464**	**21,88**	**24,8**
1	Các khoản thu phân chia	-	10.000	12.900	14.921		149,2
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			12.900	12.900		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		10.000		2.021		20,2

2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	**80.000**	**109.000**	**4.604**	**14.543**	**5,76**	**13,3**
	Thuế Tài nguyên						
	Thuế GTGT	55.000	55.000	3.232	3.232	5,88	5,9
	Thuế thu nhập cá nhân	25.000	54.000	1.372	11.311	5,49	20,9
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**6.053.000**	**6.053.000**	**2.022.492**	**2.022.492**	**33,41**	**33,4**
	- Thu bổ sung cân đối	6.053.000	6.053.000	1.800.000	1.800.000	29,74	29,7
	- Thu bổ sung có mục tiêu			222.492	222.492		

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Phú Lương
Xã Phú Đô

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2022

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2022			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	**6.247.000**		**6.247.000**	**1.130.474**		**1.130.474**			
	Trong đó	-			-					
1	Chi dân quân tự vệ	677.481		677.481	84.718		84.718	13		13
2	Chi an ninh trật tự	483.424		483.424	71.486		71.486	15		15
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000		35.000	-			-		-
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
6	Chi thể dục thể thao	25.000		25.000	-			-		-
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000		35.000	-					
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.834.575		4.834.575	909.291		909.291	19		19
10	Chi cho công tác xã hội	33.520		33.520	5.679		5.679	17		17
11	Chi khác	-			-					
12	Dự phòng ngân sách	123.000		123.000	59.300		59.300	48		48